

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SLĐT BXH-LĐVLATLĐ

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2021

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Công văn của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 33/2021/QĐ-CP ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Thông tin và TT, Giáo dục và Đào tạo, Văn Hóa- Thể thao và Du lịch;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội-Chi nhánh tại Quảng Trị;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã dự thảo Công văn của UBND tỉnh về việc triển khai Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ (*đính kèm Công văn này*).

Về chính sách của địa phương hỗ trợ lao động tự do: Tại Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg nói trên đã bổ sung chính sách hỗ trợ một số đối tượng trùng với đối tượng là lao động tự do được hỗ trợ theo chính sách của địa phương quy định tại Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP. Vì vậy, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1841/QĐ-UBND và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1841/QĐ-UBND nói trên (*đính kèm công văn này*).

Đề nghị các quý cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến đối với các dự thảo nói trên để Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp, hoàn thiện văn bản trước khi trình UBND ban hành.

Ý kiến tham gia xin gửi về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội trước ngày 16/11/2021.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, P. LĐVL-ATLĐ.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Nguyên Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX  
V/v triển khai thực hiện Quyết  
định số 33/2021/QĐ-CP ngày  
06/11/2021 của Thủ tướng Chính  
phủ

*Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2020*

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP); Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (gọi tắt là Nghị quyết số 126/NQ-CP);

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (gọi tắt là Quyết định 23/2021/QĐ-TTg); Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (gọi tắt là Quyết định 33/2021/QĐ-TTg),

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định 33/2021/QĐ-TTg như sau:

1. Quy định tiêu chí xác định đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ và hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ đối với hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh (trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện) theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg như sau:

a) Đối tượng:

- Hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối;
- Người bán hàng rong (buôn bán dạo) là người mua, bán không có địa điểm cố định (mua rong, bán rong hoặc vừa mua rong vừa bán rong), bao gồm

cả việc nhận sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm của các thương nhân được phép kinh doanh các sản phẩm này theo quy định của pháp luật để bán rong;

- Người bán quà vặt là người mua bán những vật dụng nhỏ lẻ có hoặc không có địa điểm cố định và người bán quà bánh, đồ ăn, nước uống (hàng nước) có hoặc không có địa điểm cố định;

- Người buôn chuyên là người mua hàng hóa từ nơi khác về theo từng chuyến để bán cho người mua buôn hoặc người bán lẻ;

- Người kinh doanh lưu động là người kinh doanh, mua bán không có địa điểm cố định.

- Người kinh doanh thời vụ là người kinh doanh, buôn bán theo thời vụ;

- Người làm dịch vụ là người làm các dịch vụ: đánh giày, bán vé số, chữa khóa, sửa xe đạp, sửa xe đạp điện, sửa xe mô tô, sửa đồng hồ, trông giữ xe, rửa xe, cắt tóc, vẽ tranh, chụp ảnh có hoặc không có địa điểm cố định,

Có mức thu nhập dưới 100.000.000 đồng/năm.

b) Điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định 33/2021/QĐ-TTg.

**Lưu ý:** Những người trong cùng một hộ, làm cùng một nghề thì được hỗ trợ theo hộ.

c) Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ:

- Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Công văn này gửi đề nghị hỗ trợ (*theo mẫu đính kèm*) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sản xuất, kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất trước ngày 15/01/2022. Trường hợp đối tượng có nơi thường trú hoặc tạm trú ở các xã, phường, thị trấn trong tỉnh khác nơi sản xuất, kinh doanh phải cam kết không lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tại nơi người lao động đang thường trú, tạm trú (*theo mẫu giấy cam kết đính kèm*).

- Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng sản xuất, kinh doanh của đối tượng; niêm yết công khai; tổng hợp danh sách gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ, trong 02 ngày làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

- Đơn vị chi trả: Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ trong 03 ngày làm việc.

2. Về công tác chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát thực hiện: tiếp tục tổ chức thực hiện công tác chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn

do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định 33/2021/QĐ-TTg theo tinh thần của Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Giao Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định 33/2021/QĐ-TTg theo đúng quy định của pháp luật và quy định của cấp trên; triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung về chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động và chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg; phối hợp các Sở, ban ngành, địa phương kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

4. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính về việc đề xuất kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ; tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành để thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các chính sách theo quy định. Tổ chức tuyên truyền trong các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh về các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động theo Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg và Công văn này.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, người lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế về các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/QĐ-TTg.

8. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, các địa phương tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ đối với người điều trị Covid-19, cách ly y tế và chính sách hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Chỉ đạo các cơ sở y tế, cơ sở cách ly thuộc quyền quản lý triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người điều trị Covid-19, cách ly y tế và chính sách hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

9. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, các địa phương tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ đối với người điều trị Covid-19, cách ly y tế và chính sách hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Chỉ đạo các cơ sở cách ly thuộc quyền quản lý triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với người cách ly y tế và chính sách hỗ trợ thêm đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

10. Cục Thuế tỉnh chỉ đạo các Chi cục Thuế trực thuộc triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

11. Ngân hàng Chính sách xã hội- Chi nhánh tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung chính sách cho người sử dụng lao động vay trả lương cho người lao động theo quy định Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

12. Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/QĐ-TTg.

13. Các Sở, Ban ngành liên quan tuyên truyền rộng rãi về các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg và Công văn này; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg.

14. UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền rộng rãi về các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg và Công văn này đến mọi người dân trên địa bàn; triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg và Công văn này; chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg và Công văn này.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh và các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách hỗ trợ đối với người sử dụng lao động và người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; phối hợp với chính quyền đồng cấp triển khai thực hiện các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ người lao động và

người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg và Công văn này.

16. Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, các địa phương tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các nội dung sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đối với người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP, Quyết định số 33/QĐ-TTg đến các thành viên của tổ chức mình.

Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) để kịp thời phối hợp xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hưng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Dành cho hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và người kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg)*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

**I. THÔNG TIN VỀ HỘ, NGƯỜI SẢN XUẤT, KINH DOANH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

1. Họ và tên chủ hộ hoặc người sản xuất, kinh doanh: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....; Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../. Nơi cấp:.....
4. Nơi thường trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

1. Địa điểm kinh doanh: .....
2. Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối.
  - Người bán hàng rong (buôn bán dạo).
  - Người bán quà vật.
  - Người buôn chuyển.
  - Người kinh doanh lưu động.
  - Người kinh doanh thời vụ.
  - Người làm dịch vụ đánh giày, bán vé số, chữa khóa, sửa xe đạp, sửa xe đạp điện, sửa xe mô tô, sửa đồng hồ, trông giữ xe, rửa xe, cắt tóc, vẽ tranh, chụp ảnh.

3. Mức thu nhập của hộ hoặc người sản xuất, kinh doanh trong 01 năm:  
.....

Kể từ ngày        /        /2021 đến ngày        /        /2021, hộ, người sản xuất, kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do:

- Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để phòng, chống dịch.



- Có địa điểm kinh doanh trên địa bàn thực hiện phòng, chống dịch theo nguyên tắc Chỉ thị 16/CT-TTg hoặc phải áp dụng biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP.

Đề nghị UBND xã, phường, thị trấn ..... xem xét, giải quyết hỗ trợ cho tôi theo đúng quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

- Tài khoản (Tên tài khoản, số tài khoản, tại Ngân hàng):.....  
.....

- Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

- Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....ngày .... tháng .... năm 2021

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:***

1. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính là ngành nghề chiếm nhiều thời gian nhất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CAM KẾT**

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn (1): .....

1. Họ và tên chủ hộ hoặc người sản xuất, kinh doanh: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....; Giới tính: .....
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....  
Ngày cấp: ...../...../. Nơi cấp:.....
4. Nơi thường trú/tạm trú: .....
- Điện thoại liên hệ: .....

Ngày ..... tháng .... năm 2021, tôi có làm đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ đối với hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và người kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Quyết định 33/2021/QĐ-TTg tại UBND xã, phường, thị trấn (1).....

Tôi cam kết ngoài đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tại UBND xã, phường, thị trấn (1)..... tôi chưa/không làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại UBND xã, phường, thị trấn khác. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

..... ngày .... tháng .... năm 2021  
**NGƯỜI CAM KẾT**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(1) UBND xã/phường/thị trấn nơi đăng ký hưởng chế độ.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: /TTr-LĐTĐBXH ngày //2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng: Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị bị nghỉ việc, ngừng việc để điều trị do nhiễm Covid-19 (F0) hoặc cách ly y tế (F1) hoặc trong các khu vực bị phong tỏa hoặc bị mất việc làm, giảm thu nhập xuống mức bằng hoặc thấp hơn mức chuẩn nghèo quy định trong khu vực thực hiện các biện pháp cấp bách về phòng, chống dịch COVID-19 theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách về phòng, chống dịch COVID-19 hoặc làm nghề, công việc phải ngừng hoạt động để phòng, chống Covid-19 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021. Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động làm các nghề, công việc chính sau đây:

a) Thu gom rác, phế liệu, bốc vác, vận chuyển hàng hóa (trừ bốc vác, vận chuyển hàng hóa ổn định cho một chủ sử dụng lao động).

b) Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm), lái xe công nghệ 02 bánh, lái xe ba gác, lái xe ô tô chở hàng, chở khách (tự làm).

c) Lao động giúp việc gia đình.

d) Lao động tự làm hoặc làm việc theo nhóm trong các cơ sở giáo dục mầm non.

đ) Lao động tự làm hoặc làm việc theo nhóm trong các lĩnh vực: lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe, karaoke (bao gồm karaoke lưu động), quán internet, quán bar, vũ trường, phòng trà, rạp chiếu phim, cơ sở massage, xông hơi, điểm kinh doanh trò chơi điện tử, phòng tập gym, fitness, biliards, yoga, erobic, zumba.

e) Lao động tự làm hoặc làm việc theo nhóm các công việc phục vụ đám cưới, hội nghị (nhạc công, âm thanh, loa máy).

g) Lao động tự làm hoặc làm việc theo nhóm các nghề mộc, nề, sơn tít, đúc bê tông, nhôm kính, cơ khí, gò hàn, sửa chữa điện, nước.

h) Lao động làm thuê nhưng công việc không ổn định, có thời hạn làm việc dưới 01 tháng.

h) Lao động tự làm hoặc làm việc theo nhóm các nghề tự do khác có đặc điểm tính chất tương tự như những người lao động làm các nghề được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 2, Điều 1 của Quyết định này.”

2. Bổ sung Khoản 2a Điều 1 như sau:

“2a. Đối tượng không áp dụng: Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động làm các nghề, công việc chính sau đây:

- Bán hàng rong (buôn bán dạo);
- Người bán quà vật;
- Người buôn chuyến;

- Người kinh doanh lưu động;
- Người kinh doanh thời vụ;
- Người làm các dịch vụ: đánh giày, bán vé số, chữa khóa, sửa xe đạp, sửa xe đạp điện, sửa xe mô tô, sửa đồng hồ, trông giữ xe, rửa xe, cắt tóc, vẽ tranh, chụp ảnh có hoặc không có địa điểm cố định.”
- Những đối tượng đã được UBND tỉnh Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.”

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Chính phủ (B/c);
- Thủ tướng Chính phủ (B/c);
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Bộ LĐ-TB&XH (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PVP;
- Lưu: VT, TM<sub>T</sub>, VX<sub>T</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hưng**